

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Sỹ Dờng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 14/11/2016)
Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/11/2016)
	Thành viên (từ ngày 14/11/2016)
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

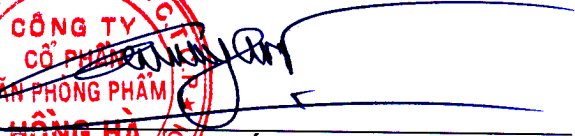
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,




Trương Quang Luyện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

200
C
ÁCH
KIẾ
AI
94 T.

Số: 71/2017/AVI-TC1-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2017 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vũ Bình Minh****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2015-055-1*Thay mặt và đại diện cho***CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

**Đoàn Thu Hằng****Kiểm toán viên**Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
1396-2015-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.440.333.768	215.454.510.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.904.601.468	16.669.374.388
1. Tiền	111		12.904.601.468	6.450.031.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.219.342.633
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.318.267.234	26.730.990.668
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.240.738.951	7.578.915.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.181.444.513	7.950.941.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.978.358.203	13.292.564.111
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.082.274.433)	(2.091.431.263)
III. Hàng tồn kho	140	8	165.807.912.251	165.519.497.304
1. Hàng tồn kho	141		167.687.385.472	165.519.497.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.879.473.221)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.409.552.815	6.534.648.526
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	654.307.188	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.228.973.399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.755.245.627	3.305.675.127
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.605.883.587	230.681.559.837
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.499.877.998	298.766.864
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	48.499.877.998	298.766.864
II. Tài sản cố định	220		84.191.207.365	77.984.913.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	76.379.682.782	70.521.239.195
- Nguyên giá	222		158.073.657.888	141.537.834.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.693.975.106)	(71.016.595.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.811.524.583	7.463.674.583
- Nguyên giá	228		8.790.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(978.710.167)	(850.560.167)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	106.237.839.700	101.613.615.806
- Nguyên giá	231		176.133.510.949	166.715.475.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(69.895.671.249)	(65.101.859.893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.141.672.825	49.790.725.316
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.141.672.825	49.790.725.316
V. Tài sản dài hạn khác	260		535.285.699	993.538.073
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	535.285.699	993.538.073
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		469.046.217.355	446.136.070.723

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

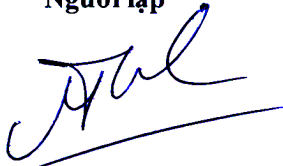
MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		335.622.424.906	317.785.610.759
I. Nợ ngắn hạn	310		160.711.837.642	143.698.591.281
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.495.013.713	59.327.103.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		419.238.773	134.768.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.286.818.138	295.652.221
4. Phải trả người lao động	314		12.928.668.953	8.253.773.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.924.212.939	3.103.772.254
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.276.166.440	1.624.389.871
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.294.883.620	4.815.858.740
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	75.780.773.169	65.187.962.383
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.306.061.897	955.310.535
II. Nợ dài hạn	330		174.910.587.264	174.087.019.478
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.186.970.632	48.957.880.774
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	68.415.091.199	71.820.613.271
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	58.308.525.433	53.308.525.433
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.423.792.449	128.350.459.964
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	133.323.792.449	128.250.459.964
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.542.149.721	4.900.411.071
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	3.806.130.187
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.640.287.086	43.208.693.251
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.475.400.613	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.164.886.473	43.208.693.251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.000.000	100.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		469.046.217.355	446.136.070.723

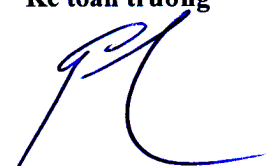
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	530.320.388.657	496.331.490.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.577.364.853	257.278.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		528.743.023.804	496.074.211.785
4. Giá vốn hàng bán	11	25	382.165.529.709	344.055.491.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.577.494.095	152.018.720.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	113.822.476	466.080.447
7. Chi phí tài chính	22	27	6.547.661.847	3.986.361.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.209.433.127	3.817.333.860
8. Chi phí bán hàng	25	28	80.470.173.503	74.044.713.694
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	24.868.940.800	20.340.833.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.804.540.421	54.112.891.664
11. Thu nhập khác	31	31	1.442.765.603	2.652.182.489
12. Chi phí khác	32	32	1.548.135.499	1.271.453.324
13. Lợi nhuận khác	40		(105.369.896)	1.380.729.165
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.699.170.525	55.493.620.829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.534.284.052	12.284.927.578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.164.886.473	43.208.693.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.686	6.082

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến


CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

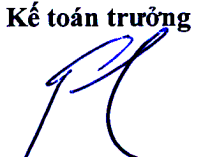
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.699.170.525	55.493.620.829
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.220.499.656	17.542.567.583
- Các khoản dự phòng	03	2.870.316.391	(746.836.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(69.519)	(96.553)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(478.649.713)	(527.267.363)
- Chi phí lãi vay	06	4.209.433.127	3.817.333.860
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.520.700.467	75.579.321.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(52.189.100.121)	22.482.728.520
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.167.888.168)	(15.120.900.597)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.737.463.384	782.018.926
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(196.054.814)	1.264.918.707
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.133.657.859)	(3.903.576.423)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.006.139.194)	(12.376.108.794)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	65.420.000	13.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.065.972.626)	(1.479.034.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.564.771.069	67.242.767.436
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.734.872.489)	(25.077.280.395)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	492.204.000	215.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112.444.195	461.932.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.130.224.294)	(24.400.347.566)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	371.511.000.019	273.779.936.499
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(360.918.189.233)	(292.179.154.464)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.792.200.000)	(15.917.904.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.199.389.214)	(34.317.122.555)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.764.842.439)	8.525.297.315
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.669.374.388	8.143.980.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	69.519	96.553
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.904.601.468	16.669.374.388

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập

Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc

Trương Quang Luyện



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100100216 ngày 03/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 407 người (tại ngày 31/12/2015 là 394 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- In ấn;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

....

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi

nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Trong năm, Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản thuộc nhóm máy móc thiết bị.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh. Các khoản chi phí thuê nhà có thời gian dưới 12 tháng được theo dõi là chi phí trả trước ngắn hạn, các khoản chi phí thuê nhà có thời gian trên 12 tháng được theo dõi là khoản chi phí trả trước dài hạn.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả thầu phụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ do nhà thầu đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.



Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm tài chính 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	699.157.352	733.591.008
Tiền gửi ngân hàng	12.205.444.116	5.716.440.747
Các khoản tương đương tiền	-	10.219.342.633
Cộng	<u>12.904.601.468</u>	<u>16.669.374.388</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	2.016.387.509	691.936.262
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phát Triển A Và T	1.622.376.972	1.223.067.602
Công ty TNHH Tân Thành Phương	1.495.552.421	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.106.422.049	5.663.912.036
Cộng	<u>13.240.738.951</u>	<u>7.578.915.900</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	6.978.358.203	-	13.292.564.111	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	-	3.701.666.283	-
Ký cược, ký quỹ	112.756.160	-	100.520.000	-
Tạm ứng	785.147.600	-	416.045.890	-
Cổ tức đã tạm ứng (*)	5.894.534.590	-	8.842.584.590	-
Phải thu khác	185.919.853	-	231.747.348	-
Dài hạn	48.499.877.998	-	298.766.864	-
Ký cược, ký quỹ	99.877.998	-	298.766.864	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (**)	48.400.000.000	-	-	-
Cộng	<u>55.478.236.201</u>	-	<u>13.591.330.975</u>	-

(*): Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐQT ngày 27/07/2016. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2016 tương đương 10% vốn điều lệ, được Công ty theo dõi và ghi nhận ở tài khoản 338 – Phải trả khác. Số cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt.

(**): Khoản phải thu còn lại Tổng công ty Giấy Việt Nam liên quan đến phần diện tích Tổng công ty được khai thác, sử dụng của công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	4.082.183.424	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.087.272.375	(1.879.473.221)	56.346.572.704	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	7.538.333.227	-	10.184.603.372	-
Thành phẩm	66.833.350.099	-	51.027.045.929	-
Hàng hoá	51.146.246.347	-	47.961.275.299	-
Cộng	167.687.385.472	(1.879.473.221)	165.519.497.304	-

(*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2016 là 4.244.783.039 tỷ đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	654.307.188	-
Chi phí thuê nhà	654.307.188	-
Dài hạn	535.285.699	993.538.073
Chi phí thuê nhà	-	763.788.128
Công cụ dụng cụ	462.140.902	208.557.945
Chi phí khác	73.144.797	21.192.000
Cộng	1.189.592.887	993.538.073

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

MẪU SỐ B09 - DN

31/12/2016

01/01/2016

	Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị		Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
					VND	VND				
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	-	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	Trên 3 năm	1.622.376.972	(1.622.376.972)	-	-	Trên 3 năm	1.223.067.602	(611.533.802)	611.533.800	
Công ty TNHH Tuấn Phương	Trên 3 năm	450.550.297	(450.550.297)	-	-	Trên 3 năm	470.550.297	(470.550.297)	-	
DNTN Vũ & Vy	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	-	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	
Cộng		3.082.274.433	(3.082.274.433)	-	-		2.702.965.063	(2.091.431.263)	611.533.800	

(*) Khoản công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là “Công ty A&T”) là khoản phải thu về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, Công ty A&T đã không thanh toán cho Công ty theo quy định của hợp đồng, do đó Công ty đã kiện Công ty A&T ra tòa án dân sự để thu hồi công nợ. Tòa án nhân dân quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án và xử phiên sơ thẩm, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phiên phúc thẩm. Đến ngày 26/05/2016, các bên đã thực hiện hòa giải và có biên bản hòa giải Thành của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh về toàn bộ nợ gốc (phát sinh từ hợp đồng thuê và các biến bản làm việc, đối chiếu công nợ) là 1.622.376.972 đồng, Công ty A&T sẽ thanh toán làm 3 lần. Trong đó, thanh toán lần đầu vào 30/08/2016 và lần cuối chậm nhất đến ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty A&T chưa thanh toán được số tiền nợ. Công ty đang xúc tiến thu hồi công nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số trích lập tương ứng 100% giá trị phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	60.145.670.847	73.740.627.992	5.229.896.802	2.421.638.994	141.537.834.635
Mua trong năm	-	13.772.514.423	2.987.380.002	-	16.759.894.425
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.437.713.794	-	-	-	2.437.713.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.368.315.918)	(293.469.048)	-	(2.661.784.966)
Tại ngày 31/12/2016	62.583.384.641	85.144.826.497	7.923.807.756	2.421.638.994	158.073.657.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	24.931.102.085	40.456.791.501	3.954.393.103	1.674.308.751	71.016.595.440
Khấu hao trong năm	2.683.376.621	9.961.111.000	494.734.581	159.316.098	13.298.538.300
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.327.689.586)	(293.469.048)	-	(2.621.158.634)
Tại ngày 31/12/2016	27.614.478.706	48.090.212.915	4.155.658.636	1.833.624.849	81.693.975.106
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	35.214.568.762	33.283.836.491	1.275.503.699	747.330.243	70.521.239.195
Tại ngày 31/12/2016	34.968.905.935	37.054.613.582	3.768.149.120	588.014.145	76.379.682.782

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng

8.322.204.482 26.773.276.995 3.411.152.845 1.391.572.758 39.898.207.080

Một số tài sản cố định thuộc nhóm Nhà cửa vật kiến trúc được Công ty thế chấp cho Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20 – Vay và nợ thuế tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Mua trong năm	-	476.000.000	476.000.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>6.708.372.500</u>	<u>2.081.862.250</u>	<u>8.790.234.750</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	850.560.167	850.560.167
Khấu hao trong năm	-	128.150.000	128.150.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>-</u>	<u>978.710.167</u>	<u>978.710.167</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>6.708.372.500</u>	<u>755.302.083</u>	<u>7.463.674.583</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>6.708.372.500</u></u>	<u><u>1.103.152.083</u></u>	<u><u>7.811.524.583</u></u>

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	166.715.475.699	166.715.475.699
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.418.035.250	9.418.035.250
Tại ngày 31/12/2016	<u>176.133.510.949</u>	<u>176.133.510.949</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	65.101.859.893	65.101.859.893
Khấu hao trong năm	4.793.811.356	4.793.811.356
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>69.895.671.249</u>	<u>69.895.671.249</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	<u>101.613.615.806</u>	<u>101.613.615.806</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>106.237.839.700</u></u>	<u><u>106.237.839.700</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	1.020.916.145	49.704.378.316
Cải tạo nhà xưởng và kho cơ sở 2	6.880.794.091	-
Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
Mua sắm TSCĐ	226.375.589	72.760.000
Cộng	<u>8.141.672.825</u>	<u>49.790.725.316</u>

(*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m2/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	4.462.195.222	4.462.195.222	19.231.299.138	19.231.299.138
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	1.711.165.700	1.711.165.700	2.711.165.700	2.711.165.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900
Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	2.215.935.038	2.215.935.038	189.716.945	189.716.945
Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	6.844.956.986	6.844.956.986	3.848.511.536	3.848.511.536
Phải trả cho các đối tượng khác	13.321.482.652	13.321.482.652	20.407.131.736	20.407.131.736
Cộng	41.495.013.713	41.495.013.713	59.327.103.170	59.327.103.170

Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	-	-	2.265.934.103	2.265.934.103

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	18.024.413.899	16.774.254.621	1.250.159.278
Thuế Nhập khẩu	-	457.749.087	457.749.087	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.734.551.391)	7.536.777.532	8.006.139.194	(3.203.913.053)
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.670.202)	1.283.865.522	1.231.969.156	36.226.164
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	295.652.221	595.394.026	890.613.551	432.696
Thuế đất	-	170.570.988	170.570.988	-
Tiền thuế đất	(551.332.574)	9.594.732.202	9.594.732.202	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	(4.120.960)	207.034.132	202.913.172	-
Cộng	(3.010.022.906)	37.870.537.388	37.328.941.971	(2.468.427.489)
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>295.652.221</i>			<i>1.286.818.138</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>3.305.675.127</i>			<i>3.755.245.627</i>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	11.924.212.939	3.103.772.254
Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	216.394.238	140.618.970
Chi phí xây dựng cơ bản	6.808.749.545	-
Chi phí khuyến mại	3.984.770.868	2.963.153.284
Chi phí khác	914.298.288	-
Dài hạn	48.186.970.632	48.957.880.774
Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.186.970.632	48.957.880.774
Cộng	60.111.183.571	52.061.653.028

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	1.276.166.440	1.624.389.871
Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.276.166.440	1.624.389.871
Dài hạn	68.415.091.199	71.820.613.271
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	57.144.402.112	58.555.363.948
Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	1.662.133.519	3.656.693.755
Cộng	<u>69.691.257.639</u>	<u>73.445.003.142</u>

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m². Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	9.294.883.620	4.815.858.740
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.671.883.620	4.815.858.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	623.000.000	-
Dài hạn	58.308.525.433	53.308.525.433
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	1.217.616.342
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	54.090.909.091	49.090.909.091
Cộng	<u>67.603.409.053</u>	<u>58.124.384.173</u>

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	75.780.773.169	75.780.773.169	371.511.000.019	360.918.189.233	65.187.962.383	65.187.962.383
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	57.987.023.749	57.987.023.749	306.667.183.903	304.590.510.108	55.910.349.954	55.910.349.954
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	-	-	23.991.455.869	30.049.068.298	6.057.612.429	6.057.612.429
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	16.398.749.420	16.398.749.420	40.552.360.247	24.153.610.827	-	-
Vay cá nhân (iii)	1.395.000.000	1.395.000.000	300.000.000	2.125.000.000	3.220.000.000	3.220.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	75.780.773.169	75.780.773.169	371.511.000.019	360.918.189.233	65.187.962.383	65.187.962.383

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức sau:

- o Hợp đồng tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/01/2016 gia hạn thời gian rút vốn đến hết ngày 30/06/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 14/04/2016, thay đổi hạn mức cho vay, hạn mức cho vay mới là 100 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.
- o Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM/VCB.CD – VPPHH ngày 05/09/2016, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là hết ngày 31/3/2017 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội theo Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm ngày 30/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương và Công ty. Tổng giá trị định giá lại của tài sản thế chấp là 131 tỷ đồng.

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2907/VIB – VPPHH ký ngày 01/08/2016, hạn mức cho vay là 30 tỷ, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Bên vay cam kết doanh số chuyển khoản trực tiếp về ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam tối thiểu 15% doanh thu, 100% doanh thu đối với các hợp đồng do VIB mở L/C phát hành bảo lãnh về tài khoản của mình.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2015	58.961.000.000	17.374.225.455	-	-	-	-	-	-	22.177.476.174	98.512.701.629	
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	43.208.693.251	43.208.693.251	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.900.411.071	3.806.130.187	(22.177.476.174)	(13.470.934.916)				
Tại ngày 01/01/2016	58.961.000.000	17.374.225.455	4.900.411.071	3.806.130.187	43.208.693.251	128.250.459.964					
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	27.164.886.473	27.164.886.473	
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	8.641.738.650	(30.733.292.638)	(22.091.553.988)					
Tại ngày 31/12/2016	58.961.000.000	17.374.225.455	13.542.149.721	3.806.130.187	39.640.287.086	133.323.792.449					

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000		3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000		8.850.000.000
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000		7.322.280.000
Ông Võ Sỹ Dờng	5,61%	3.307.600.000		3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000		35.842.570.000
Cộng	100%	58.961.000.000		58.961.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Lợi nhuận đã chia	30.733.292.638	22.177.476.174
Phân phối lợi nhuận năm trước	30.733.292.638	22.177.476.174
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	8.641.738.650	4.900.411.071
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.806.130.187
- Chia cổ tức	14.740.250.000	11.792.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.351.303.988	1.678.734.916
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-

(*): Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016 của Công ty.

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	84.871.423.319	84.871.423.319
Ngoại tệ		
- USD	374,55	1.097,25

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	496.980.077.355	472.481.512.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.340.311.302	23.849.978.529
Cộng	<u>530.320.388.657</u>	<u>496.331.490.752</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	244.523.948	47.668.978

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.577.364.853	257.278.967
Cộng	<u>1.577.364.853</u>	<u>257.278.967</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	370.417.883.047	355.605.580.271
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.747.646.662	(11.550.088.916)
<i>Trong đó</i>		
<i>Giá vốn cho Công ty Thuận An Buiding thuê</i>	-	(25.197.044.918)
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ khác</i>	-	13.646.956.002
Cộng	<u>382.165.529.709</u>	<u>344.055.491.355</u>

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.444.195	461.390.256
Lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh trong thanh toán	1.308.762	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	69.519	4.690.191
Cộng	<u>113.822.476</u>	<u>466.080.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.209.433.127	3.817.333.860
Chiết khấu thanh toán	2.338.228.720	168.451.800
Chênh lệch tỷ giá	-	576.039
Cộng	6.547.661.847	3.986.361.699

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	15.994.689.855	11.647.308.355
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.754.644.146	934.094.161
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	90.988.718	61.764.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.142.380.033	8.228.992.930
Chi phí khác	55.487.470.751	53.172.554.223
Cộng	80.470.173.503	74.044.713.694

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.989.034.972	8.111.282.246
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.639.666.446	905.217.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	632.739.125	805.482.018
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Thuế, phí, lệ phí	346.747.931	289.480.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.084.391.567	1.536.977.026
Chi phí bằng tiền khác	5.977.140.984	7.766.897.724
Cộng	24.868.940.800	20.340.833.820

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.118.400.073	191.593.103.323
Chi phí nhân công	54.243.882.869	42.374.109.852
Chi phí khấu hao	13.426.688.300	8.085.717.094
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.662.682.409	15.663.691.091
Chi phí khác bằng tiền	62.365.646.004	65.579.690.294
Cộng	351.016.519.430	324.221.809.277

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi Thanh lý TSCĐ	406.831.850	130.394.540
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.165.259.482
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	444.000.451	1.088.119.089
Thu bán phế liệu và các khoản khác	591.933.302	268.409.378
Cộng	<u>1.442.765.603</u>	<u>2.652.182.489</u>

32. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	409.496.935	843.892.188
Các khoản chi phí khác	1.138.638.564	427.561.136
Cộng	<u>1.548.135.499</u>	<u>1.271.453.324</u>

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.699.170.525	55.493.620.829
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.088.257.713	1.209.957.458
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	20.000.000	4.041.888.949
Thu nhập chịu thuế trong năm	35.767.428.238	52.661.689.338
Thuế suất	20%	22%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.153.485.648	11.585.571.654
Thuế TNDN truy thu của năm trước	380.798.404	699.355.924
Chi phí thuế TNDN	<u>7.534.284.052</u>	<u>12.284.927.578</u>

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.164.886.473	43.208.693.251
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.432.977.295	7.351.303.988
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.731.909.178	35.857.389.263
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.686</u>	<u>6.082</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số trích theo phân phối lợi nhuận năm 2015, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm trích theo kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2016/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch khác và số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.029.441.195	3.894.770.913
Thu nhập của Ban điều hành	2.696.592.002	1.699.001.521
Hội đồng quản trị	388.000.000	336.000.000
Ban Tổng giám đốc	2.308.592.002	1.363.001.521
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.680.845.614	-

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.904.601.468	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.851.553.119	18.662.769.722
Cộng	77.756.154.587	35.332.144.110
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	75.780.773.169	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	109.098.422.766	117.451.487.343
Chi phí phải trả	60.111.183.571	52.061.653.028
Cộng	244.990.379.506	234.701.102.754

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường**Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.509.776	24.732.015	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 là 3.082.274.433 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng).

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2016			
Các khoản vay	75.780.773.169	-	75.780.773.169
Phải trả người bán và phải trả khác	50.789.897.333	58.308.525.433	109.098.422.766
Chi phí phải trả	11.924.212.939	48.186.970.632	60.111.183.571
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	64.142.961.910	53.308.525.433	117.451.487.343
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

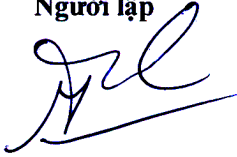
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại để phù hợp với chi tiêu so sánh.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến